

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự.

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê T, sinh năm: 1997; địa chỉ cư trú: Tổ 43, ấp B, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Dương H, sinh năm: 1992; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Chà Là, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2020 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê T trình bày: Chị T và anh H đăng ký kết hôn ngày 05-3-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, Huyện D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do anh H chơi bời, không chăm lo đến vợ con, chị đã có thời gian bỏ về nhà của cha mẹ ruột chị ở nhà do thương con còn nhỏ nên chị quay lại chung sống với anh H. Tháng 3 Năm 2018 anh H bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 7 năm 2018 bị Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu đưa ra xét xử lưu động tại UBND xã N, Huyện D, bị Tòa án phạt 10 năm tù. Sau đó anh H đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Cây Cày 2, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị và gia đình anh H có đi thăm nuôi nH từ ngày chị đi làm xí nghiệp thì công ty không cho nghỉ nên chị không có thời gian đi thăm nuôi anh H. Do anh H

phải chấp hành án 10 năm tù nên chị nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị với anh H không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Dương K, sinh ngày 27/02/2015, chị T nhận tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: chị và anh H không có tài sản chung; không có tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Dương H trình bày trong bản tự khai (BL 24):

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 05-3-201 tại UBND xã C, Huyện D. Anh chấp hành án phạt tù 10 năm tại Trại giam Cây Cày của Bộ Công an. Chị T là vợ anh có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Dương K, sinh ngày 27-02-2015, chị T nhận nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để chị T nuôi con trong thời gian anh chấp hành án anh mong chị T không làm khó hay cấm đoán khi anh đến thăm con sau này. Sau khi chấp hành án phạt tù xong thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị T và anh H được ly hôn; về con chung: có 01 con chung tên Dương K, sinh ngày 27-02-2015, giao cho chị T trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29 tháng 6 năm 2020, chị Lê T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Dương H.

Căn cứ: khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị T. Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 05-3-2015 tại

UBND xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên được công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Sau đó chung sống được 03 năm thì anh H vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt 10 năm tù, do anh H phải chấp hành án 10 năm tù nên chị T nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị T với anh H không đạt được. Chị T yêu cầu cho chị T được ly hôn với anh H; anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T và anh H được ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Dương K, sinh ngày 27-02-2015. Do anh H phải chấp hành án 10 năm tù nên chị T yêu cầu được nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Kha cho chị T trực tiếp trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Lê T, cho chị Lê T được ly hôn với anh Dương H.

2 Về quan hệ con chung: chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Dương K, sinh ngày 27/02/2015, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004892 ngày 03-7-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Vũ Văn Khanh